

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 3  
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2015 ĐẾN NGÀY 30/09/2015**

---

**Hải Phòng, tháng 10 năm 2015**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2015


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

DVT: VNĐ


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
<b>A Tài sản ngắn hạn ( 100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>842.162.984.168</b>	<b>1.223.578.810.095</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4	<b>253.291.794.090</b>	<b>506.580.539.574</b>
1. Tiền	111		68.448.216.269	385.721.652.440
2. Các khoản tương đương tiền	112		184.843.577.821	120.858.887.134
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	5	<b>30.000.000.000</b>	<b>448.550.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.000.000.000	448.550.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.572.157.894</b>	<b>53.901.836.218</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	29.104.742.092	7.754.563.636
2. Trả trước cho người bán	132	7	27.433.905.132	33.913.342.793
3. Các khoản phải thu khác	133		3.033.510.670	12.233.929.789
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	8	<b>489.503.231.217</b>	<b>214.531.655.159</b>
1. Hàng tồn kho	141		490.310.522.826	215.338.946.768
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(807.291.609)	(807.291.609)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.795.800.967</b>	<b>14.779.144</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.795.800.967	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153			14.779.144
<b>B Tài sản dài hạn ( 200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>735.345.863.818</b>	<b>217.666.987.411</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.283.645.083</b>	<b>5.309.560.766</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	4.283.645.083	5.309.560.766
- Nguyên giá	222		5.103.556.800	5.945.191.345
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(819.911.717)	(635.630.579)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>730.976.000.000</b>	<b>212.325.347.386</b>
1. Đầu tư góp vốn vào công ty con	251		478.950.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	254.088.000.000	180.000.000.000
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	253			33.427.347.386
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.062.000.000)	(1.102.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>86.218.735</b>	<b>32.079.259</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		86.218.735	32.079.259
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.577.508.847.986</b>	<b>1.441.245.797.506</b>

DVT: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310)	<b>300</b>		<b>240,308,866,003</b>	<b>693,737,031,699</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>240,308,866,003</b>	<b>693,737,031,699</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	11	2,017,874,750	591,832,667,728
3. Người mua trả tiền trước	313	12	23,634,304,390	14,939,208,491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4,205,967,000	4,817,796,342
5. Phải trả công nhân viên	315			
6. Chi phí phải trả	316			11,035,000,000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	48,185,236,217	48,417,055,856
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		5,640,640,364	14,230,000,000
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	14	148,203,140,000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8,421,703,282	8,465,303,282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Dự phòng phải trả dài hạn				
<b>B. NGUỒN VỐN</b> (400=410+430)	<b>400</b>		<b>1,337,199,981,983</b>	<b>747,508,765,807</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>1,337,199,981,983</b>	<b>747,508,765,807</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,109,955,570,000	573,642,410,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			1,109,955,570,000	573,642,410,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13,678,572,000	14,116,236,000
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	413			12,780,251,000
4. Quỹ đầu tư phát triển	414		19,572,915,034	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	415		193,992,924,949	146,969,868,807
-LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước			22.140.446.573	146.969.868.807
- LNST chưa phân phối kỳ này			171.852.478.376	
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1,577,508,847,986</b>	<b>1,441,245,797,506</b>

  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 10 năm 2015

  
Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

  
Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

MẪU SỐ B 02a-DN  
Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2015		Năm 2014	
	Quý 3	Lũy kế đến 30/09/2015	Quý 3	Lũy kế đến 30/09/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	465.737.572.384	1.436.494.644.391	528.021.770.617	851.372.116.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	465.737.572.384	1.436.494.644.391	528.021.770.617	851.372.116.919
4. Giá vốn hàng bán	392.187.165.281	1.213.462.171.601	473.658.456.349	758.657.649.090
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	73.550.407.103	223.032.472.790	54.363.314.268	92.714.467.829
6. Doanh thu hoạt động tài chính	2.299.819.874	71.314.915.825	587.989.706	718.789.005
7. Chi phí tài chính	1.585.233.735	11.976.093.893	321.454.122	3.826.160.030
- Trong đó: Chi phí lãi vay	1.585.233.735	5.766.082.215	316.068.560	416.777.008
8. Chi phí bán hàng	1.171.028.228	(2.762.131.097)	6.963.594.580	9.563.005.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.020.623.117	7.376.979.403	9.012.433.827	12.512.284.741
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	72.073.341.897	277.756.446.416	38.653.821.445	67.531.806.127
11. Thu nhập khác	1.056.731.818	5.646.403.552	453	2.000.000.453
12. Chi phí khác	1.038.517.953	1.038.925.953	3.848.134	2.341.940.335
13. Lợi nhuận khác	18.213.865	4.607.477.599	(3.847.681)	(341.939.882)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.091.555.762	282.363.924.015	38.649.973.764	67.189.866.245
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.335.000.000	2.823.245.839	18.690.555	47.466.401
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	<b>70.756.555.762</b>	<b>279.540.678.176</b>	<b>38.631.283.209</b>	<b>67.142.399.844</b>

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 10 năm 2015

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

MÃ SỐ B 03a-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01 đến 30/09/2015	Từ 01/01 đến 30/09/2014
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	282,363,924,015	67,189,866,245
2. Điều chỉnh cho các khoản			
-Khấu hao TSCĐ	02	585,877,308	515,574,282
- Các khoản dự phòng	3	960,000,000	1,102,000,000
-Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1,804,667,347
-Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(70,737,814,869)	3,848,133
- Chi phí lãi vay	06	5,766,082,215	416,777,008
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	218,938,068,669	71,032,733,015
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(15,451,523,499)	(17,831,278,944)
-Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(274,971,576,058)	(35,037,239,353)
-Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(601,587,525,696)	347,747,773,437
-Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(54,139,476)	975,714,713
-Tiền lãi vay đã trả	13	(5,766,082,215)	(416,777,008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,823,245,839)	(99,911,171)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(481,264,000)	(16,848,133)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(682,197,288,114)</b>	<b>366,354,166,556</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(598,305,455)	
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	1,056,731,818	
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(785,749,369,954)	(366,542,330,000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1,204,299,369,954	40,000,000,000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40,660,652,614)	(269,650,000,000)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		80,000,000,000
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70,719,426,881	138,338,330
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>449,067,200,630</b>	<b>(516,053,991,670)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ( tiếp theo )**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01 đến 30/09/2015	Từ 01/01 đến 30/09/2014
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	114,643,430,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		(153,764,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	808,097,031,980	33,377,520,514
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(659,893,891,980)	(14,618,968,200)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(168,361,798,000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(20,158,658,000)</b>	<b>133,248,218,314</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(253,288,745,484)</b>	<b>(16,451,606,800)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>506,580,539,574</b>	<b>177,402,247,656</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>253,291,794,090</b>	<b>160,950,640,856</b>



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 10 năm 2015



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần 1 ngày 30/05/2008, thay đổi lần 2 ngày 25/12/2008, thay đổi lần 3 ngày 07/05/2009, thay đổi lần 4 ngày 12/11/2010; thay đổi lần 5 ngày 28/03/2011; thay đổi lần thứ 6 ngày 10/07/2012; thay đổi lần thứ 7 ngày 13/09/2012; thay đổi lần thứ 8 ngày 22/07/2013; lần thứ 9 ngày 20/10/2014, lần thứ 10 ngày 20/4/2015.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 là: 1.109.955.570.000 đồng.

Tại ngày 30/9/2015, Công ty có công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô con, ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo kỳ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 09 hàng năm.

### **Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy do cùng chịu sự điều hành của các cổ đông chính chiếm trên 51% vốn Điều lệ;
- Công ty sở hữu 99,78% cổ phần của Công ty cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang, do đó Công ty Cổ phần phát triển Dịch vụ Hoàng Giang là bên liên quan.
- Các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/09/2015.



Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Bất lợi thế thương mại**

Bất lợi thế thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### ***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá thực tế đích danh. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng trích lập dự phòng 40%, từ 18 tháng trích lập dự phòng 70%.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực góp của các cổ đông, Vốn bổ sung hàng năm từ Lợi nhuận của Công ty và Vốn bổ sung theo các quyết định đầu tư hàng năm của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### *Dự phòng bảo hành:*

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, chi phí bảo hành sản phẩm của Công ty phát sinh không đáng kể. Từ ngày 01/01/2015, Ban Giám đốc Công ty quyết định thực hiện trích lập dự phòng chi phí bảo hành với tỷ lệ 0,1%/doanh thu.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27/12/2011, Công ty được miễn thuế theo điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật”. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế và tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1,723,402,675	128,304,543
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	66,724,813,594	385,593,347,897
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền (*)	184,843,577,821	120,858,887,134
<b>Cộng</b>	<b>253,291,794,090</b>	<b>506,580,539,574</b>

(\*): Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30.000.000.000	448.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>448.550.000.000</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các đại lý	28 734 742 092	6.614.563.636
Khách lẻ	370 000 000	1.140.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.104.742.092</b>	<b>7.754.563.636</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**  
Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Dongfeng motor Co, LTD	16.524.216.332	
JINAN SINOAUTO HEAVY DUTY TRUCK SALES CO LTI	10.469.338.800	
DONGXING LIANYOU IMPORT AND EXPORT CO LTD		1.074.581.200
GLOBAL TRADER LLC		4.838.160.000
RCE BROS ENTERPRISE LLC		1.654.467.160
Doanh nghiệp trong nước	440.350.000	26.346.134.433
<b>Cộng</b>	<b>27.433.905.132</b>	<b>33.913.342.793</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	370 980 979 881	50,438,454,399
Thành phẩm gia công		1,816,674,406
Thành phẩm	17 538 744 537	36,214,859,655
Hàng hóa	101 790 798 408	126,868,958,308
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>490,310,522,826</b>	<b>215,338,946,768</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(807,291,609)	(807,291,609)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>489,503,231,217</b>	<b>214,531,655,159</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2015	5,601,974,547	343,216,798	5,945,191,345
Tăng trong năm	598,305,455	-	598,305,455
Mua trong năm	598,305,455	-	598,305,455
Giảm trong năm	1,439,940,000		1,439,940,000
Thanh lý, nhượng bán	1 439 940 000	-	1,439,940,000
<b>Tại 30/9/2015</b>	<b>4,760,340,002</b>	<b>343,216,798</b>	<b>5,103,556,800</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại 01/01/2015	414,445,087	221,185,492	635,630,579
Khấu hao trong năm	568 409 079	17,468,229	585,877,308
Thanh lý, nhượng bán	401 596 170		401,596,170
<b>Tại 30/9/2015</b>	<b>581,257,996</b>	<b>238,653,721</b>	<b>819,911,717</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2015	5,187,529,460	122,031,306	5,309,560,766
Tại 30/9/2015	4,179,082,006	104,563,077	4,283,645,083

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC***a. Đầu tư vào Công ty liên kết*

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Prukca Việt Nam	74,088,000,000	
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	80,000,000,000	80,000,000,000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	100,000,000,000	100,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>254,088,000,000</b>	<b>180,000,000,000</b>

*b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 như sau:*

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Thành Nam	Phòng 8B, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	40,00	40,00	Kinh doanh ô tô
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoàng Hiệp	79/20/14 Phạm Viêt Chánh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	45,45	45,45	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Prukca Việt Nam (*)	Phòng A, tầng 8, toà nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	36,00	36,00	XD nhà các loại, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật

(\*) Trong kỳ, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% (tại ngày 01/01/2014 đang trình bày là khoản đầu tư dài hạn khác) lên 36% vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 021/022/000/215 sửa đổi lần thứ nhất ngày 11/02/2015 của Công ty TNHH Prukca Việt Nam.

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dongfeng motor Co, LTD		591.823.481.728
JINAN SINOAUTO HEAVY DUTY TRUCK SALES CO LTD		
DONGXING LIANYOU IMPORT AND EXPORT CO LTD		
GLOBAL TRADER LLC		
RCE BROS ENTERPRISE LLC		
Doanh nghiệp trong nước	2.017.874.750	9.186.000
<b>Cộng</b>	<b>2.017.874.750</b>	<b>591.832.667.728</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**  
 Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
 Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các đại lý	21 008 484 390	14.839.208.491
Khách lẻ	2 626 000 000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.634.484.390</b>	<b>14.939.208.491</b>

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/09/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Pruksa Internatinnal *	47,074,020,000	47,074,020,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam		1,173,035,856
Khoản phải trả khác	1,111,216,217	170,000,000
<b>Cộng</b>	<b>48,185,236,217</b>	<b>48,417,055,856</b>

(\*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước 2,261,000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN**

	30/09/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị	VNĐ	VNĐ	VNĐ	Giá trị	VNĐ
Vay ngân hàng Bưu điện Liên Việt			537.067.831.980	537.067.831.980		
Vay ngân hàng ACB	148.203.140.000		200.254.200.000	52.051.060.000		
Vay ngân hàng HD			13.600.000.000	13.600.000.000		
<b>Cộng</b>	<b>148.203.140.000</b>	<b>148.203.140.000</b>	<b>750.922.031.980</b>	<b>602.718.891.980</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Hợp đồng hạn mức tín dụng số HAP.DN.56.14.0815 ngày 18/8/2015 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Á Châu chi nhánh Hải Phòng với Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy tổng hạn mức 150 tỷ đồng theo hình thức cho vay hoặc phát hành L/C trả ngay; Khoản vay chịu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0576/15/HĐTHM-DN/099 ngày 10/03/2015, Phụ lục hợp đồng số 0576/15/HĐTHM-DN/099 được ký kết giữa HDBank Chi nhánh Hải Phòng và Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy với tổng hạn mức 400 tỷ đồng theo hình thức cho vay hoặc phát hành L/C trả ngay; trả chậm, Khoản vay chịu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được dùng để nhập khẩu xe ô tô nhãn hiệu DONGFENG và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm.

Hợp đồng hạn mức tín dụng số 40/HM/2015/360 ngày 01/07/2015 được ký kết giữa Ngân hàng bưu điện Liên Việt với Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy tổng hạn mức 200 tỷ đồng theo hình thức cho vay hoặc phát hành L/C trả ngay; Khoản vay chịu lãi suất tại từng thời điểm nhận nợ; Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm.



**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Tại 01/01/2014</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>14.270.000.000</b>	<b>8.677.751.000</b>	<b>91.718.588.129</b>	<b>497.165.819.129</b>
Tăng vốn trong năm	114.643.430.000	-	-	-	114.643.430.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	76.499.500.000	(153.764.000)	-	(76.499.500.000)	(153.764.000)
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	4.102.500.000	(4.102.500.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	135.853.280.678	135.853.280.678
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>573.642.410.000</b>	<b>14.116.236.000</b>	<b>12.780.251.000</b>	<b>146.969.868.807</b>	<b>747.508.765.807</b>
Tăng vốn trong kỳ (***)	478.950.000.000	-	-	-	478.950.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	57.363.160.000	(356.664.000)	-	(57.363.160.000)	(356.664.000)
Chia cổ tức bằng tiền (**)	-	-	-	(164.157.931.000)	(164.157.931.000)
Lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	-	416.808.944.034	416.808.944.034
Trích quỹ trong năm (**)	-	-	6.792.664.034	(6.792.664.034)	-
Giảm khác	-	(81.000.000)	-	(4.827.744.340)	(4.908.744.340)
<b>Tại 30/09/2015</b>	<b>1.109.955.570.000</b>	<b>13.678.572.000</b>	<b>19.572.915.034</b>	<b>330.637.313.467</b>	<b>1.473.844.370.501</b>

(\*) Trong đó bao gồm 119.527.895.446 đồng là khoản lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thì Công ty mẹ được phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu với mức không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên BCTC hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của khoản lãi từ giao dịch mua rẻ này cần được loại trừ ra khỏi lợi nhuận trước khi dùng để chia cho chủ sở hữu Công ty Mẹ.

(\*\*) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 28/01/2015 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/01/2015, Đại hội thông qua phân phối lợi nhuận như sau: trích quỹ dự trữ, bổ sung vốn điều lệ 5% tương ứng 6.792.664.034 đồng, trả cổ tức bằng tiền mặt 10% tương ứng với 57.363.160.000 đồng và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% tương ứng với 5.736.316 cổ phiếu và;  
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2015, Đại hội thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2015 là 10% tương ứng với 106.791.690.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ  
HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài,  
Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ hoạt động  
từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

(\*\*\*) Phát hành 47.895.000 cổ phiếu hoán đổi theo tỷ lệ 1:1 với các cổ đông hiện hữu của cổ phiếu Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang. Sau khi hoán đổi cổ phiếu thì Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 99,78% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ Hoàng Giang và Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang chính thức trở thành Công ty con của Công ty .

**Thông tin về cổ tức và phương án phát hành cổ phiếu**

Ngày 25/6/2015, Công ty tổ chức Đại hội cổ đông bất thường năm 2015 và đã ban hành Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ, theo đó Đại hội đồng cổ đông đã thông qua:

*Kế hoạch trả cổ tức năm 2015:* Tỷ lệ chi trả cổ tức là 30% (tính trên vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2015), tại thời điểm 30/9/2015, Công ty đã thực hiện chi trả 10% cổ tức bằng tiền mặt, và đã chốt danh sách trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%.

*Phát hành cổ phiếu ra công chúng:* Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1 tương ứng 110.995.557 cổ phiếu, Công ty đang hoàn hiện các thủ tục báo cáo kết quả phát hành và niêm yết bổ sung.

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 1.109.955.570.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm lập báo cáo như sau:

	30/9/2015	Tỷ lệ
	VND	%
Ông Đỗ Hữu Hạ	248.667.390.000	22,40
Ông Đỗ Hữu Hậu	106.251.750.000	9,57
PYN ELITE FUND (NON-UCITS)	119.019.100.000	10,72
Cổ đông khác	636.017.330.000	57,30
<b>Cộng</b>	<b>1.109.955.570.000</b>	<b>100</b>

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/09/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngoại tệ các loại	1.658,80	686,06
<b>Cộng</b>	<b>1.658,80</b>	<b>686,06</b>

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/07 đến 30/09/2015	Từ 01/07 đến 30/09/2014
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	465.422.727.390	528.021.770.617
Doanh thu cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	314.844.994	
<b>Cộng</b>	<b>465.737.572.384</b>	<b>528.021.770.617</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/07 đến 30/09/2015	Từ 01/07 đến 30/09/2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	391.927.316.668	473.658.456.349
Giá vốn cung cấp dịch vụ, linh kiện ô tô	259.848.613	
<b>Cộng</b>	<b>392.187.165.281</b>	<b>473.658.456.349</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07 đến 30/09/2015	Từ 01/07 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.299.819.874	85.274.031
Thu nhập về hoạt động góp vốn liên doanh		
Lãi chênh lệch tỷ giá		502.715.675
<b>Cộng</b>	<b>2.299.819.874</b>	<b>587.989.706</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/07 đến 30/09/2015	Từ 01/07 đến 30/09/2014
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.585.233.735	316.068.560
Chênh lệch tỷ giá		5.385.562
<b>Cộng</b>	<b>1.585.233.735</b>	<b>321.454.122</b>

**21. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hoá cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam.  
Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 như sau:

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>204.677.985.089</b>	<b>94.065.041.834</b>	<b>166.994.545.461</b>	<b>465.737.572.384</b>
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	204.363.140.095	94.065.041.834	166.994.545.461	465.422.727.390
- Doanh thu dịch vụ, linh kiện	314.844.994			314.844.994
<b>2. Giá vốn</b>	<b>167.727.965.057</b>	<b>79.757.710.134</b>	<b>144.701.490.090</b>	<b>392.187.165.281</b>
- Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	167.468.116.444	79.757.710.134	144.701.490.090	391.927.316.668
- Giá vốn hoạt dịch vụ, linh kiện	259.848.613			259.848.613
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>36.950.020.032</b>	<b>14.307.331.700</b>	<b>22.293.055.371</b>	<b>73.550.407.103</b>
- Bán hàng hóa, thành phẩm	36.895.023.651	14.307.331.700	22.293.055.371	73.495.410.722
- Cung cấp dịch vụ, linh kiện	54.996.381			54.996.381

## **22 THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI CÔNG TY TNHH PRUKSA INTERNATIONAL**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Pruksa International thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng; tổng mức Đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng (trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng); chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó, diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021 022 000 215 ngày 02/1/2013 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 11/02/2015. Theo đó, vốn Điều lệ của Công ty TNHH Pruksa là 205.800.000.000 VND (tương đương với 10.000.000 USD) trong đó Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy nâng vốn góp từ 15% lên 36% vốn điều lệ.

Ngày 13/7/2015, UBND Tp. Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1614/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty THNN Pruksa Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất là 20.014,3 m<sup>2</sup>.

## **23 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

### **Danh sách các bên liên quan**

Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy  
Dongfeng motors engineering

### **Bản chất bên liên quan**

Cùng chịu sự kiểm soát của cổ đông lớn  
Nhà cung cấp lớn

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**Từ 01/01/2015  
đến 30/09/2015  
VND**

### **Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy**

Mua hàng hóa, dịch vụ

59.460.309.183

### **Dongfeng motors engineering**

Mua hàng hóa

1.173.431.278.860

### **Số dư với các bên liên quan**

**Từ 01/01/2015  
đến 30/09/2015**

### **Công ty CP Đầu tư DV TC Hoàng Huy**

Phải trả thương mại

1.449.174.750

### **Dongfeng motors engineering**

Ứng trước tiền mua hàng

16.524.216.332

**24 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/9/2014 và Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu được trình bày lại cho mục đích so sánh như sau:

STT	Khoản mục	Mã số	Tại ngày	Tại ngày	Chênh lệch	Ghi chú
			31/12/2014	31/12/2014		
			đã được	trình bày lại		
			kiểm toán		VND	
			(soát xét)		VND	
			VND	VND	VND	
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	14.230.000.000	14.230.000.000	(1)
2.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	14.230.000.000	-	(14.230.000.000)	(1)

(1) Trình bày lại khoản Dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm.

**25 GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ 3 NĂM 2015 SO VỚI QUÝ 3 NĂM 2014**

Lợi nhuận quý 3 năm 2015 của Công ty đạt được là 70.756.555.762 VNĐ so với cùng kỳ quý 3 năm 2014 tăng 32.125.272.553 VNĐ, tương ứng với mức tăng 83,15%.

Lợi nhuận trong quý 3 năm 2015 của Công ty có sự biến động tăng mạnh là do Ban Lãnh đạo có chiến lược phù hợp về lựa chọn các dòng xe có nhu cầu lớn, có hiệu quả kinh doanh cao đối với công ty. Đồng thời, Công ty thực hiện kiểm soát tốt chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với cùng kỳ năm ngoái. Vì vậy, lợi nhuận của Công ty đã có sự cải thiện và tăng trưởng đáng kể.

Hồ Thị Xuân Hòa  
Người lập biểu

Ngày 19 tháng 10 năm 2015

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Vũ Văn Cảnh  
Giám đốc